



CÔNG TY TNHH KHUYNH THÀNH

1498/1A Trường Sa, Phường Tân Sơn Hòa, TP.HCM

MST : 0318830595

Tel : 070 392 4120



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 005HER_SP.DARK/KT/2025

Sản phẩm : **BỘT CA CAO ĐẶC BIỆT ĐEN KHÔNG ĐƯỜNG**

HERSHEY'S (100% CA CAO)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 005HER_SP.DARK/KT/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH KHUYNH THÀNH**

Địa chỉ: 1498/1A Trường Sa, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(Địa chỉ cũ : 1498/1A Trường Sa, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam).

Điện thoại: 070 392 4120

E-mail : khanhlinh.khuynthanh@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0318830595

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BỘT CA CAO ĐẶC BIỆT ĐEN KHÔNG ĐƯỜNG HERSHEY'S (100% CA CAO)**

2. Thành phần: Ca Cao nguyên chất 100% (tiến trình Ca Cao với chất kiềm).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói : 226g / hộp

- Chất liệu bao bì : hộp nhựa có giấy dán niêm phong quanh phần miệng hộp và có nắp đậy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Sản phẩm nhập khẩu và phân phối bởi CÔNG TY TNHH KHUYNH THÀNH

- Công ty sản xuất : The Hershey Company

Hershey, PA 17033-0815, U.S.A

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Đính kèm nội dung nhãn dự thảo (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị Định về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Aflatoxin B1	µg/ kg	2
02	Aflatoxin B2	µg/ kg	2
03	Aflatoxin tổng (G1, G2, B1, B2)	µg/ kg	4

04	Deoxynivalenol	µg/ kg	750
05	Ochratoxin A	µg/ kg	3
06	Zearalenon	µg/ kg	75

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Arsen (As)	mg/kg	1.0
02	Cadimi (Cd)	mg/kg	1.0
03	Chì (Pb)	mg/kg	2.0
04	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

3. Tiêu chuẩn chỉ tiêu vi sinh vật theo FDA – Circular Philippines – No 2022 – 12 (Bột CaCao - Bảng 04)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số nấm mốc	cfu/ g	10 ²
2	Salmonella	/ 25g	Không được phép
3	Coliforms	MPN/ g	< 1.8
4	Tổng số sinh vật hiếu khí	cfu/ g	10 ⁴

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2025.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Khánh Linh

ĐÍNH KÈM :

NỘI DUNG NHÃN DỤ THẢO

BỘT CA CAO ĐẶC BIỆT ĐEN KHÔNG ĐƯỜNG

HERSHEY'S (100% CA CAO)

Thành phần : Ca Cao nguyên chất 100% (tiền trình Ca Cao với chất kiềm).

Thành phần dinh dưỡng (5g) : Năng lượng 15 kcal, Chất đạm 1.27 g, Carbohydrat 0.49 g, Chất béo 0.53 g, Natri 0.5 mg

Trọng lượng : 226g

Thời hạn sử dụng : 24 tháng

Ngày sản xuất : trước HSD 24 tháng

Hạn sử dụng : Vui lòng xem trên nhãn của sản phẩm (theo định dạng tháng / năm)

Bảo quản : Để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Hướng dẫn sử dụng : Dùng làm bánh và làm Sô-cô-la nóng 100% với Ca Cao Hershey's đặc biệt đen.

Nhà sản xuất : The Hershey Company

Hershey, PA 17033-0815, U.S.A

Nhà nhập khẩu và phân phối :

CÔNG TY TNHH KHUYNH THÀNH

Địa chỉ : 1498/1A Trường Sa, Phường Tân Sơn Hòa, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hotline : 070 392 4120

Số TCB : 005HER_SP.DARK/KT/2025

Công thức tham khảo :

1. **Bánh Sô-cô-la** – nguyên liệu gồm 2 muỗng đường, 1-3/4 muỗng bột mì đa dụng, 3/4 muỗng CaCao Hershey's đặc biệt đen, 1-1/2 muỗng nhỏ bột nở, 1-1/2 muỗng nhỏ baking soda, 1 muỗng nhỏ muối, 2 quả trứng, 1 cốc sữa, 1/2 cốc dầu thực vật, 2 muỗng nhỏ vani, 1 cốc nước sôi / Cách làm - làm nóng lò ở nhiệt độ 350°F, bôi mỡ và rắc bột vào 2 khuôn nướng tròn 9 inch, khuấy đường, bột mì, cacao, bột nở, baking soda và muối vào 1 cái tô lớn cùng nhau, thêm trứng, sữa, dầu và vani đánh ở tốc độ trung bình của máy trộn trong 2 phút, khuấy nước sôi tạo độ loãng, đổ bột vào khuôn, bỏ vào lò nướng 30 – 35 phút hoặc cho đến khi bánh không còn dính vào cây khi cắm vào, giữ lạnh 10 phút và lấy ra khỏi khuôn. Bánh ăn ngon khi giữ lạnh.
2. **Kem phủ Sô-cô-la (khoảng 2 muỗng)** - nguyên liệu gồm 1/2 muỗng bơ (1 thỏi) hoặc margarine, 2/3 muỗng Cacao Hershey's, 3 muỗng đường bột, 1/3 muỗng sữa, 1 muỗng nhỏ vani / Cách làm – làm tan chảy bơ (margarine), khuấy đều Cacao, thêm đường bột, sữa, đánh cho đến khi có độ đặc (thêm ít sữa nếu cần), khuấy đều vani.



AR-25-VD-120781-02-VI / EUVNHC-00348853- Trang : 1 / 4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY TNHH KHUYNH THÀNH

1498/1A Trường Sa, Phường 3, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : N6IK2506250305-CB

Mã số mẫu : 743-2025-00115583

Mã số Eol :

005-32410-492395

Mã số mẫu do khách hàng thiết lập :

HER_SP.DARK

Tên mẫu :

Bột Ca Cao Đặc Biệt Đen Không Đường Hershey's (100% Ca Cao)

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

27/06/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 03/07/2025

Thời gian thử nghiệm :

28/06/2025 - 07/07/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	VD339 VD (a) <i>Coliforms</i> -n1	MPN/ g	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)	Không phát hiện (LOD=0)	< 1.8
2	VD339 VD (a) <i>Coliforms</i> -n2	MPN/ g	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)	Không phát hiện (LOD=0)	< 1.8
3	VD339 VD (a) <i>Coliforms</i> -n3	MPN/ g	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)	Không phát hiện (LOD=0)	< 1.8
4	VD339 VD (a) <i>Coliforms</i> -n4	MPN/ g	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)	Không phát hiện (LOD=0)	< 1.8
5	VD339 VD (a) <i>Coliforms</i> -n5	MPN/ g	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)	Không phát hiện (LOD=0)	< 1.8
6	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n1	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
7	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n2	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
8	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n3	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
9	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n4	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
10	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n5	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
11	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n6	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
12	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n7	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
13	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n8	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
14	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n9	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
15	VD368 VD (a) <i>Salmonella</i> spp. -n10	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện	Không phát hiện
16	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n1	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	4.8x10 ²	10 ⁴
17	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n2	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	5.0x10 ²	10 ⁴
18	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n3	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	5.9x10 ²	10 ⁴
19	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n4	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	5.6x10 ²	10 ⁴
20	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí -n5	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	5.8x10 ²	10 ⁴

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

[3] Northern branch: Unit 7A, Hight-rise Factory/ Block 1, No.2, BH5 Street, VSIP Bac Ninh, Phu Chan Ward, Tu Son City, Bac Ninh Province.

Web: www.eurofins.vn

Phone: (84.28) 7107 7879

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Document number: EVN-P-AR-FO3559

Version: 11

Effective date: 01/06/2025



AR-25-VD-120781-02-VI / EUVNHC-00348853- Trang : 2 / 4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00115583

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN TỐI ĐA
21	VD445 VD (a) Tổng số nấm mốc -n1	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)	10 ²
22	VD445 VD (a) Tổng số nấm mốc -n2	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)	10 ²
23	VD445 VD (a) Tổng số nấm mốc -n3	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)	10 ²
24	VD445 VD (a) Tổng số nấm mốc -n4	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)	10 ²
25	VD445 VD (a) Tổng số nấm mốc -n5	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)	10 ²
26	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	36.8	-
27	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	10.5	-
28	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	25.4	-
29	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	9.83	-
30	VD9T0 VD (m) Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	309	-
31	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	3.27	-
32	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	14.2	-
33	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.31	1.0
34	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.06	2.0
35	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	0.03	1.0
36	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)	0.05
37	VD6W9 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
38	VD6W9 VD (a) Aflatoxin B2	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)	2
39	VD6W9 VD (a) Aflatoxin tổng (G1, G2, B1, B2)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)	4
40	VDAB0 VD (a) Deoxynivalenol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5626 (Ref. BS EN 15791:2009)	Không phát hiện (LOD=100)	750
41	VDAC0 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)	3
42	VDE42 VD (a) Zearalenon	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)	Không phát hiện (LOD=5)	75
43	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	10.5	-

Những chỉ tiêu trên bản kết quả thử nghiệm so sánh với Giới hạn do khách hàng cung cấp.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

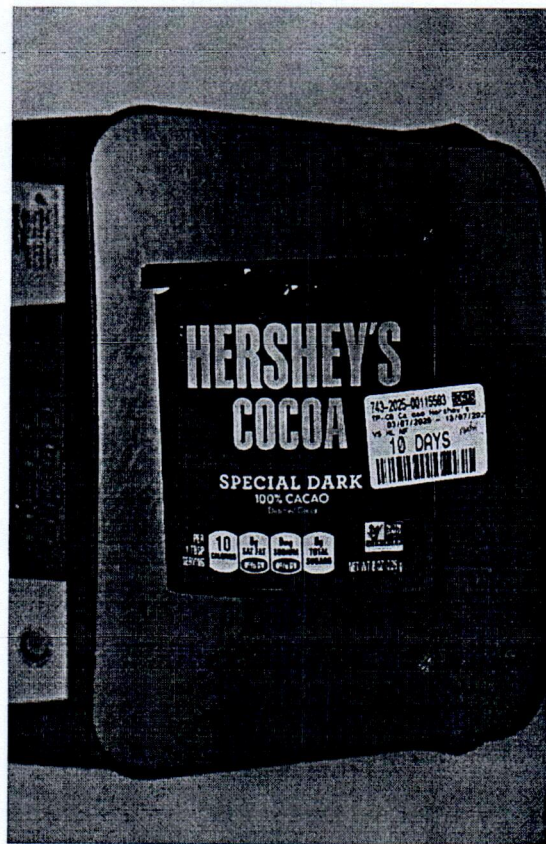
- : Không áp dụng giá trị so sánh đối với chỉ tiêu này.



AR-25-VD-120781-02-VI / EUVNHC-00348853- Trang : 3 / 4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00115583



Ký tên

[Signature]

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 15/07/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 15/07/2025.

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

[3] Northern branch: Unit 7A, Hight-rise Factory/ Block 1, No.2, BH5 Street, VSIP Bac Ninh, Phu Chan Ward, Tu Son City, Bac Ninh Province.

Web: www.eurofins.vn

Phone: (84.28) 7107 7879

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com

Document number: EVN-P-AR-FO3559

Version: 11

Effective date: 01/06/2025



AR-25-VD-120781-02-VI / EUVNHC-00348853- Trang : 4 / 4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố theo pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sack Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-25-VD-120781-01/743-2025-00115583, xuất ngày 11/07/2025; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





Sample code Nr.: 743-2025-00115583

Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-25-VD-120781-02 / EUVNHC-00348853

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)		
Tổng số phần ăn:		
Kích cỡ một phần ăn: 5 g		
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn	
Năng lượng	15.0	kcal
Chất đạm	1.27	g
Carbohydrat	0.49	g
Chất béo	0.53	g
Natri	0.50	mg

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.